

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 8 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kim Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Quýnh và bà Bùi Thị Quy.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Bách - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1989;

ĐKKHKT: Đội 10, thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 5, Ngõ 19B, khu 15, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Huy C, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Đội 10, thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Những người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1951;

2. Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1941;

3. Ông Phạm Công N, sinh năm 1932;

Đều địa chỉ: Đội 10, thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2019, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Huy C đăng ký kết hôn ngày 01/8/2008 tại Ủy ban nhân

dân xã Q, huyện N trên cơ sở tự nguyện. Trước đó chị và anh C đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh C ở Đội 10, thôn Đ, xã Q, huyện N. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ít quan tâm, chia sẻ tình cảm với nhau và thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị nhiều lần có ý định xin ly hôn nhưng nghĩ đến các con nên lại cố chịu đựng. Đầu năm 2016, chị đi xuất khẩu lao động. Thời gian này, vợ chồng rất ít liên lạc với nhau, khi liên lạc thì thường cãi nhau qua điện thoại. Đầu năm 2019, chị H hết hạn hợp đồng về nước và tiếp tục chung sống với anh C tại nhà bố mẹ anh C nhưng được vài ngày lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vẫn là do tính cách, suy nghĩ không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng, không nói chuyện được với nhau. Đầu tháng 3/2019 chị H chị không chịu đựng được cảnh sống chung như vậy nên đã chuyển về Hải Dương ở cùng với vợ chồng em trai chị H. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 28/9/2008 và Nguyễn Hà V, sinh ngày 21/7/2011. Hiện tại cả hai con đều đang ở với chị. Nếu ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Lý do chị H đề nghị được nuôi con vì các cháu đều là con gái nên ở với mẹ sẽ thuận tiện trong việc chăm sóc các cháu hơn. Hiện tại chị đang làm nhân viên tại công ty xuất khẩu lao động B. Thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 8.000.000đ/tháng. Trụ sở Công ty chị ở trên Hà Nội. Nhưng công việc của chị thì chủ yếu làm ở Hải Dương, thỉnh thoảng mới phải lên Hà Nội nhưng vẫn về trong ngày. Hiện tại chị đang ở cùng nhà với vợ chồng em trai. Nhà rộng rãi. Em trai chị cũng tạo điều kiện để hỗ trợ chị chỗ ở cũng như chăm sóc các cháu khi chị đi làm. Chị hoàn toàn đủ khả năng để chăm sóc tốt các con. Còn anh C hiện tại làm lao động tự do, thu nhập không ổn định. Bố mẹ anh C thì đều đã già yếu nên khả năng hỗ trợ anh C chăm sóc các con cũng không nhiều.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/7/2019, bị đơn - anh Nguyễn Huy C trình bày thống nhất nội dung về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H trình bày. Ngoài ra, anh C cũng xác định: Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh. Thời gian đầu chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Khoảng năm 2015, gia đình anh lo cho chị H đi lao động tại Nhật Bản. Sau khi chị H sang đó thì thay đổi tính nết, không quan tâm gì đến anh. Năm đầu tiên còn gọi điện được 2 lần,

nhưng sau đó thì không liên lạc gì và cũng không gửi tiền về cho gia đình. Đầu năm 2019 chị H hết hạn hợp đồng lao động về nước và tiếp tục về chung sống với anh tại nhà bố mẹ anh. Khi về nước chị H tỏ thái độ lạnh nhạt với anh. Anh hỏi chị H cũng không nói lý do. Sau đó, chị H đòi ly hôn và dọn đồ sang Hải Dương ở. Anh khuyên chị H suy nghĩ lại để cho con đỡ khổ nhưng chị H vẫn cứ đòi ly hôn. Vợ chồng anh sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H cương quyết xin ly hôn, quan điểm của anh C là tùy Tòa án quyết định. Anh không phải là người xin ly hôn nên anh không đến Tòa án.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày. Cháu N hiện tại đang ở với anh, còn cháu V thì đang ở với chị H. Quan điểm của anh C là nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cả 02 con cho anh nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Lý do anh đề nghị nuôi cả 02 con là vì hiện tại anh được biết chị H làm trên Hà Nội thường để con ở nhà em chị H. Hiện tại anh làm nghề tự do, thường đi đồ bê tông, thu nhập bình quân khoảng 6 – 7 triệu đồng/tháng. Anh đủ khả năng để chăm sóc tốt cho 02 con.

Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2019, cháu Nguyễn Hà V có nguyện vọng xin được ở với mẹ; Biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2019 cháu Nguyễn Thị Thanh N có nguyện vọng xin được ở với bố và ông bà nội.

- Người làm chứng ông Nguyễn Huy T, bà Phạm Thị N – là bố mẹ đẻ anh C xác định: Quá trình chung sống chị H, anh C không đánh nhau, còn lời ra, tiếng vào thì nhà nào cũng có. Cách đây vài năm chị H đi sang Nhật Bản lao động, đến đầu năm 2019 chị H hết hạn hợp đồng lao động và về nước. Khi về vợ chồng chị H anh C vẫn ở tại nhà ông bà. Được nửa tháng thì chị H bỏ sang Hải Dương ở, sau đó viết đơn ly hôn anh C. Gia đình ông bà có hỏi thì chị H nói là ở nhà ông bà bận, tùm rùm nên không muốn ở cùng, còn nguyên nhân cụ thể thì ông bà không rõ. Chị H và anh C ly thân từ đó đến nay. Sau khi vợ chồng ly thân, thỉnh thoảng chị H có đưa con về nhà chơi nhưng vợ chồng ít nói chuyện. Anh C cũng không liên lạc báo chị H về. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của ông bà là mong muốn vợ chồng về đoàn tụ với nhau để nuôi dạy con cái. Về con chung: Quan điểm của ông bà là nếu chị H anh C ly hôn, thì nên giao mỗi người nuôi một con. Trường hợp chị H không muốn nuôi con thì đề nghị giao cả 02 con cho anh C nuôi. Ông bà sẽ hỗ trợ anh C chỗ ăn, ở và chăm sóc các con cho anh C.

- Người làm chứng là ông Phạm Công N – bác họ (bên mẹ) anh C, ở nhà đối diện nhà anh C xác định: Trong quá trình chị H và anh C chung sống thì ông ở gần nhà không thấy vợ chồng đánh cãi, xúc phạm nhưng rất ít nói chuyện, quan tâm

đến nhau. Cách đây vài năm chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đến đầu năm 2019 chị H hết hạn hợp đồng về nước được một thời gian thì chị H có ý định xin ly hôn anh C và chuyển đồ bỏ đi. Nguyên nhân cụ thể ông không nắm được. Khi biết chị H xin ly hôn, gia đình đã tham gia góp ý để anh C tác động để chị H thay đổi ý kiến nhưng anh C cứ thờ ơ, bỏ mặc, bảo kệ chị H muốn làm gì thì làm, anh C không quan tâm.

- Tại Biên bản xác minh với UBND xã Q ngày 21/6/2019 xác định thời gian gần đây chị H và anh C có mâu thuẫn, nguyên nhân là gì địa phương không nắm được. Chị H và anh C hiện tại đang sống ly thân.

Tại phiên toà: Chị H giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh C. Về quan hệ con chung: Chị H xác định hiện tại 02 con đang ở với chị. Chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 28/9/2008 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Hà V, sinh ngày 21/7/2011 cho chị tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con. Chị và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Anh C được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Huy C. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 28/9/2008 cho anh Nguyễn Huy C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao con chung Nguyễn Hà V, sinh ngày 21/7/2011 cho chị Phạm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh C và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Anh C, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh C, chị H thực hiện quyền này. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Huy C đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C kết hôn với nhau ngày 01/8/2008 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N. Do vậy, hôn nhân của chị H, anh C là hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Được một thời thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách, suy nghĩ không hợp, thường xuyên xảy ra bất đồng, không nói chuyện, quan tâm, chia sẻ được với nhau. Năm 2016, chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản vợ chồng ít quan tâm, liên lạc với nhau. Đầu năm 2019, sau khi chị H về nước vợ chồng tiếp tục xảy mâu thuẫn, sau đó, chị H chuyển sang Hải Dương ở. Vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ đó đến nay. Mặc dù Tòa án đã triệu tập anh C đến Tòa án nhiều lần, anh C biết nhưng không đến Tòa, thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị H, anh C không sống chung; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Huy C có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 28/9/2008 và Nguyễn Hà V, sinh ngày 21/7/2011. Hiện tại cả 02 con đều đang do chị H nuôi dưỡng. Cả chị H và anh C đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, xem xét về điều kiện hoàn cảnh, thu nhập, chỗ ở của chị H, anh C ... và nguyện vọng của các con (Cháu N muốn ở với bố, cháu V muốn ở với mẹ). Hội đồng xét xử thấy rằng cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao Cháu N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng mới đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con. Chị H, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Chị H, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị H, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng : Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Huy C.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 28/9/2008 cho anh Nguyễn Huy C được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao con chung Nguyễn Hà V, sinh ngày 21/7/2011 cho chị Phạm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh C, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Anh C, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh C, chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0004507, ngày 14/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Kim Giang